

VẬN DỤNG LÝ THUYẾT TỪ TIỀN GIÁ ĐỊNH ĐẾN HÀM Ý NGỮ DỤNG GIẢI MÃ CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC

APPLYING THEORIES OF PRESUPPOSITION AND PARTICULARIZED
CONVERSATIONAL IMPLICATURES TO INTERPRET LITERATURE WORKS

NGUYỄN DIỆU THƯƠNG

(ThS; Đại học sư phạm, ĐH Thái Nguyên)

Abstract: Presupposition is the basic of utterances. Moreover, presupposition plays an important role to make speakers' implicatures. Literature works are very concise and succinct. Therefore, implicatures are used in these works with high frequency, especially, particularized conversational implicature. This study applied the theory of presupposition and particularized conversational implicatures to interpret literature works in school curriculum.

Key words: presupposition; implicatures; literature works; curriculum; utterances.

1. Dẫn nhập

1.1. Tiền giả định (TGD) và hàm ý ngữ dụng (HYND) là những phạm trù quan yếu trong ngữ dụng học. Để có một phát ngôn, giữa người nói và người nghe phải mặc định điều mà cả hai cùng biết. Do ngầm hiểu với nhau nên không cần phải nói lại khi phát ngôn. TGD vì vậy không mang thông tin mới mà chỉ là cơ sở tồn tại của phát ngôn. Tuy nhiên, bên cạnh chức năng đó, TGD còn là cái mà người nói sử dụng làm tâm điểm để đạt được mục đích sâu xa qua phát ngôn trong những ngữ cảnh (NC) cụ thể (HYND). Người nghe muốn hiểu được những phát ngôn này phải xuất phát từ TGD, dùng TGD là yếu tố "chỉ dẫn" để suy ý và tìm ra nội dung mà người nói muốn truyền đạt. Quá trình suy ý từ tiền giả định đến HYND có thể mô hình hóa thành: TGD + NTM (nghĩa tường minh) + NC → HYND.

Tuy nhiên, trong một phát ngôn có thể tồn tại một hoặc nhiều loại TGD. Việc vận dụng TGD để suy ra hàm ý (HY) không chỉ duy nhất tuân theo tỉ lệ 1:1 (cứ một TGD suy ra một HY), mà có khi theo tỉ lệ n:1 (n>1) - tức: kết luận là HY được suy ra từ nhiều TGD là luận cứ ngầm ẩn. Ví dụ:

(1) *Em thế nào thì cứ thế mà đến*

Chớ có loay hoay sửa soạn áo quần

(Bài thơ số 11- Rabindranath Tgơ)

Áo quần là biểu tượng cho những lễ thói, quy định có tính hình thức của xã hội. Biểu tượng này, sau đó, được sử dụng nhiều trong thơ mới Việt Nam giai đoạn 1930- 1945 nhằm bày tỏ ngầm ẩn nổi bất bình, sự phá cách trong tư tưởng

bằng hành động *tháo bỏ*. Đề tài của bài thơ là tình yêu. Vì vậy, lễ thói ở đây chính là những quy định rườm rà của xã hội về tình yêu thời đó. Mã chớ có TGD: bỏ ngữ đi sau nó, theo nhận định của chủ thể phát ngôn, là điều không nên làm. Vậy, việc *sửa soạn*, tuân thủ theo những luật lệ trong tình yêu là việc làm không cần thiết. HY câu thơ là: hãy trả lại tự do, bản thể tự nhiên, sự chân thành cho tâm hồn trong tình yêu.

1.2. Hàm ý (HY) thường thấy ở văn bản nghệ thuật. Văn bản nghệ thuật có đặc trưng là tính hình tượng, hàm súc "ý tại ngôn ngoại", "thiếu ngôn đa ý", vì thế, HY được sử dụng rất phong phú và đa dạng. Ngoài ra, văn bản nghệ thuật không đòi hỏi sự hiểu, *phán ứng lại ngay lập tức*. Người viết có thời gian suy nghĩ, lựa chọn và gọt giũa. Người đọc có điều kiện ngắm nghía lâu và đến khi hiểu được chúng thì lĩnh hội càng thấu đáo. Thế nên, một tác phẩm càng tạo được nhiều tầng ngữ nghĩa thì càng có giá trị. Do vậy, việc sử dụng HY trong các tác phẩm văn học là không thể thiếu.

Dưới đây, chúng tôi sẽ vận dụng lý thuyết từ TGD đến HYND để lý giải các tác phẩm văn học (chủ yếu là các tác phẩm được giảng dạy trong chương trình phổ thông). Các tác phẩm này được trình bày theo các giai đoạn văn học: văn học dân gian, văn học trung đại và văn học hiện đại.

2. Khảo sát cụ thể

2.1. Văn học dân gian

(1) Đoạn trích trong *Chiến thắng Mĩao Mxây*
Đầm Săn - Ở đầm, ở đầm, xuống đây! Ta
thách nhà người đọ dao với ta đây!

Mtao Mxây - *Ta không xuống đâu, đừng ơi. Tay ta đang còn bận ôm vợ hai chúng ta ở trên này cơ mà.*

Đăm Săn: - *Sao ta lại đâm người khi người đang đi xuống nhỉ? Người xem, đến con lợn nái của nhà người dưới đất, ta cũng không thèm đâm nữa là!*

Mtao Mxây: - *Ta sợ người đâm ta khi ta đang đi lăm.*

Đăm Săn: - *Sao ta lại đâm người khi người đang đi nhỉ? Người xem, đến con trâu của nhà người trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là!..*

(Sử thi Đăm Săn - Dân tộc Ê-đê)

Sử thi Đăm Săn là sử thi anh hùng của người Ê-đê. Đây là đoạn trích kể chuyện Đăm Săn đánh Mtao Mxây cứu vợ về. Trước đó Mtao Mxây lừa lúc Đăm Săn cùng các nô lệ lên rẫy, ra sông làm lụng đã kéo người tới cướp phá buôn làng của chàng, bắt Hơ Nhị về làm vợ. TGD *điêng* (nguyên văn trong tiếng Ê-đê: jiăng) chỉ người hạn kết nghĩa. Vậy, Đăm Săn và Mtao Mxây từng là bạn bè kết nghĩa của nhau. Thế mà, Mtao Mxây lại đánh phá buôn làng và cướp vợ của Đăm Săn. Nên, Đăm Săn gọi *điêng* là có HY giễu cợt. Tiếp đó, ta thấy Mtao Mxây cũng gọi Đăm Săn theo cách ấy.

"*Vợ hai chúng ta*" trong lời Mtao Mxây có TGD: chúng ta có chung vợ. Suy ra HY là chọc tức Đăm Săn: vợ của mày giờ đã là vợ của tao.

Cấu trúc *đến A không thèm nữa là B* có TGD: B không bằng A. Đăm Săn đã hai lần sử dụng cấu trúc ấy trong đoạn trích này. Mặc dù trong cấu trúc này khuyết B nhưng NC cho biết B chính là Mtao Mxây. Vậy, các HY trong lời Đăm Săn lần lượt là: Mtao Mxây không bằng con heo nái; Mtao Mxây không bằng con trâu. Người mà đem so sánh với con vật, thậm chí không bằng loài vật suy ra HY của Đăm Săn là cách nói khinh miệt coi Mtao Mxây không bằng con vật.

(3) Truyện cười thường sử dụng HY và quá trình suy ý tạo nên tiếng cười ngầm ẩn sâu sắc để mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. Có một típ truyện cười được xây dựng trên cơ sở sự nhầm lẫn. Khi đó, giữa người nói và người nghe không có sự phù hợp suy ý và HY. Truyện "Mất rồi! Cháy!" là câu chuyện như

thế. Câu chuyện được dựng lên trong NC: Ông khách đến chơi đúng ngày người cha vắng nhà, chỉ có người con ở nhà. Người khách hỏi: *Cha cháu có ở nhà không?* Đứa bé sợ nhớ tờ giấy cha để lại đưa tay vào túi, không thấy buột miệng: - *Mất rồi.* Bắt đầu từ đây, người khách và đứa trẻ tiến hành cuộc thoại mà mỗi người lại chạy theo một đề tài. TGD trong những lời của cậu bé là nói về tờ giấy. Còn TGD trong lời người khách là nói về người cha của cậu bé. Người khách hỏi "*mất bao giờ*", "*sao lại mất*" là nói về ông bố (thời gian, nguyên nhân ông bố mất) nhưng đứa bé lại hiểu là hỏi về tờ giấy nên trả lời "*mất hôm qua*", "*cháy*". Hai người lệch nhau về TGD đề tài đã tạo tiếng cười vui về nhẹ nhàng đối với người đọc.

(4) Bài ca dao *Tát nước đầu đình*

Nội dung nghĩa trên cấu trúc của các phát ngôn bề mặt kể về việc chàng trai tát nước; bỏ quên chiếc áo và chàng muốn xin áo; trả công cho cô gái đã nhặt áo, khâu giúp áo. Nhưng thực chất, đây có phải chỉ là lời xin áo của chàng trai hay không? Hệ thống các vật phẩm mà chàng trai hứa trả công cho cô gái: *thùng xối vò, con lợn béo, vò rượu tăm, đôi chiếu, đôi chăn, đôi trâm, quan tám tiền cheo, quan năm tiền cưới, buồng cau* là những vật phẩm đính hôn của nhà trai khi hỏi cưới theo phong tục rất Việt Nam. Từ đó, chúng ta hiểu ra HY sâu xa của bài ca dao là lời tỏ tình hết sức ý nhị.

(5) Bài ca dao:

Đứng bên nĩ đồng, ngó bên tẻ đồng, mênh mông bát ngát.

Đứng bên tẻ đồng, ngó bên nĩ đồng, bát ngát mênh mông

Thân em như chẽn lúa đồng đồng

Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

Hai câu đầu của bài ca dao có sự lặp lại từ ngữ, chỉ khác là sự đảo trật tự trong cấu trúc của chúng. Đọc lên, chúng ta thấy khó hiểu bởi kết cấu trùng lặp này. Câu thứ nhất của bài ca dao có TGD tồn tại: một chủ thể trữ tình đang đứng ngó từ *bên nĩ* sang *bên tẻ* của cánh đồng. Và kết quả thu được là: *mênh mông bát ngát. Bên nĩ* có TGD là vị trí xung quanh chủ thể phát ngôn. Ngược lại, *bên tẻ* là nơi có khoảng cách xa so với vị trí của chủ thể phát ngôn. Trong câu thứ hai,

vẫn là hành động ấy, vẫn chủ thể đó nhưng vị trí đứng quan sát đã được hoán đổi so với lúc đầu. Kết quả quan sát được là *bát ngát mệnh mông*. Từ đó, ta hiểu được mục đích của chủ thể trữ tình trong bài ca dao là muốn thấu tóm cảnh vật ở nhiều góc độ để khẳng định chắc chắn: cảnh đồng rộng lớn. Cảnh phải đẹp như thế nào mới có thể tạo cảm hứng muốn thấu tóm, nắm giữ của chủ thể trữ tình đến vậy. Qua việc thể hiện tư thế ngắm cảnh, tác giả dân gian đã HY ca ngợi vẻ đẹp của quê hương mình. Hai câu thơ cuối nói đến *"thân em"*. Vậy *thân em* là ai? Trước hết, chúng ta cũng đã có một TGD là mô típ trong ca dao Việt Nam: *thân em* thường nói về thân phận người phụ nữ. Vậy, người phụ nữ ở bài ca dao này hiện lên như thế nào? *Chén lúa* là cách gọi theo ngôn ngữ địa phương vùng Bắc Trung Bộ. Trong ngôn ngữ hằng ngày, chúng ta sử dụng hình ảnh miêu tả thời kì lúa trổ đồng là: *lúa đang thì con gái*. Cho nên, *thân em* trong câu ca dao hẳn là một cô gái đang tràn trề sức sống, trẻ trung. Thêm nghĩa so sánh với *ngọn nắng hồng ban mai* lại càng làm tăng thêm vẻ đẹp tươi tắn của cô gái. Bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước và con người.

Như vậy, chúng ta có thể vận dụng lí thuyết từ TGD đến HYND để giải mã các tác phẩm văn học dân gian. TGD trong văn học dân gian chủ yếu là TGD bách khoa hoặc nếu là TGD từ vựng cũng là những từ ngữ địa phương, những cách nói thông dụng. Điều này phản ánh đúng đặc điểm văn học dân gian là văn học của quần chúng nhân dân (văn học bình dân). Vì thế, HY được tạo ra rất đơn giản, mộc mạc và dễ hiểu.

2.2. Văn học trung đại

(6) So sánh ý nghĩa *tâm son* trong *Mã em vẫn giữ tấm lòng son* (Hồ Xuân Hương) và *Tâm son gột rửa* (Nguyễn Du).

Con người gìn giữ, nâng niu những gì tốt đẹp, đáng trân trọng và loại bỏ, gột rửa những gì xấu xa, phải hổ thẹn.

Do vậy, từ *giữ* có TGD bỏ ngữ là một điều tốt đẹp. Ví dụ: giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt... Và *tấm lòng son* làm bỏ ngữ cho động từ *giữ* trong thơ Hồ Xuân Hương là một điều tốt đẹp, đáng trân trọng. Cụ thể, đó là *tấm lòng* chung thủy, son sắt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Tâm son làm bỏ ngữ cho động từ *gột rửa* trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có TGD rằng: trước đó, vật đem gột, rửa là một điều xấu xa. NC cho biết: đây là điều đã vậy bản, ô uế. Từ đó có thể lí giải câu thơ của Nguyễn Du là sự đau xót của Kiều khi không còn giữ được *tấm lòng son* cho Kim Trọng.

(7) Khoan khoan ngồi đó chờ ra

Nàng là phận gái ta là phận trai

(Lục Vân Tiên- Nguyễn Đình Chiểu)

Đây là câu nói của Lục Vân Tiên khi đã đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga. Vân Tiên nhắc nhở Nguyệt Nga chờ ra vì *nàng là phận gái* còn *ta là phận trai*. Để hiểu được điều này cần phải có sự hiểu biết là TGD về quy định trong xã hội phong kiến với sự phân biệt nam nữ rất rạch ròi: *nam nữ thụ thụ bất thân*. Vì vậy, Lục Vân Tiên HY: *nàng đứng ra để tránh vì phạm khuôn phép ấy*.

(8) *Ngân đài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn chờ chồng con về mà không gắng ăn miếng cơm miếng cháo đựng cùng vui sum họp. Song, lòng tham vô cùng mà vận trời khó tránh. Nước hết chuông rền mà số khí cũng kiệt. Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phiền đến con. Chồng con nơi xa xôi không biết sống chết thế nào, không thể về đến an được. Sau này, trời xét lòng lành ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đầy đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ.*

(Chuyện người con gái Nam Xương - Nguyễn Dữ)

Đây là phát ngôn của người mẹ chồng Vũ Nương trước lúc nhắm mắt. Trong đó chứa nhiều TGD là những triết lí về đời người mang đặc trưng văn hoá phương Đông: con người sống chết là do trời định (ngân đài có số, tươi héo bởi trời); ông trời không phụ lòng người tốt (*xanh kia quyết chẳng phụ con* cũng như con đã chẳng phụ mẹ). Ngoài ra có các TGD về lẽ thường: đã là con người thì không tránh khỏi cái chết; tuổi già đến thì cái chết càng khó đoán định (*một tấm thân tàn nguy trong sớm tối*); có những dự định, mong muốn của con người không thể thực hiện được; khi cha mẹ mất, con cái phải về bên linh cữu để tận hiếu với cha mẹ (*chồng con nơi xa xôi... không thể về đến an được*). Từ những TGD trên suy ra HY của người mẹ: thời gian qua nhanh, đã đến lúc mẹ ra đi

không thể chờ chồng con về sum họp mặc dù rất muốn; mẹ mong rằng sau này các con sẽ hạnh phúc, như vậy mẹ yên lòng nhắm mắt.

Như vậy, khi xem xét nghiên cứu HYND trong các tác phẩm văn học trung đại, NC có vai trò rất quan trọng để hiểu chính xác HY mà tác giả muốn nói. Ngoài NC hẹp (là người nói, người nghe, thời gian, địa điểm) được nói tới trong tác phẩm, để giải mã được các tác phẩm trong giai đoạn văn học này cần phải dựa vào NC rộng [là toàn bộ những nhân tố xã hội, địa lí, kinh tế, văn hoá (phong tục, tập quán,...) của cộng đồng]. Chúng làm nên bối cảnh văn hoá của tác phẩm.

Ngoài ra, có một đặc điểm nổi bật của các tác phẩm văn học trong giai đoạn này là việc sử dụng rất nhiều các điển cố, điển tích. Điển cố, điển tích là một trong những thủ pháp nghệ thuật đặc thù đối với văn học cổ trung đại. Những hiểu biết về chúng chính là tiền đề để lí giải ý nghĩa của các câu thơ, câu văn.

(9) *Đau lòng nhức óc, chốc đã mười mấy năm trời*

Ném mật nằm gai há phải một hai sớm tối.

(*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi)

Cụm từ *ném mật nằm gai* có điển tích liên quan là câu chuyện nuôi chí phục quốc của Câu Tiễn. Sau khi được tha, hàng ngày Câu Tiễn thường ném mật đắng để ăn không thấy ngon, thường nằm trên đồng củi gai để ngủ không được yên giấc. Sau hai mươi năm tích cực rèn luyện tinh thần, chịu đựng gian khổ, Câu Tiễn đã thắng được nước Ngô. Như vậy, Nguyễn Trãi sử dụng điển tích này với hàm ý là diễn tả lòng quyết tâm nuôi chí lớn và trả thù.

Tương tự như vậy, có thể dựa vào TGD về các điển cố, điển tích để lí giải ý nghĩa trong những trường hợp sau:

(10) *Hội nào bằng hội Mạnh Tân: như vương sư họ Lã*

Trận nào bằng trận Duy Thuý: như quốc sĩ họ Hàn.

(*Phú sông Bạch Đằng* - Trương Hán Siêu)

TGD: vương sư họ Lã chính là Lã Vọng - một quân sư tài ba đã giúp vua Vũ hội quân các nước chư hầu ở Mạnh Tân và diệt được vua Trụ tàn ác; quốc sĩ họ Hàn chính là Hàn Tín, người đời Hán, đã giúp Lưu Bang đánh tan quân Tề ở Duy Thuý.

Từ đó, ta hiểu ý nghĩa hai câu thơ này là đề cao tài trí của vua tôi nhà Trần.

(11) *Giương kia treo căng hăng hồ*

Đàn kia gảy căng ngân nga tiếng đàn.

(*Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến)

Giương kia có TGD: Trần Phồn thời Hậu Hán có người bạn thân là Từ Trí. Trần Phồn dành riêng cho bạn một cái giường. Khi bạn đến chơi thì mời ngồi, lúc bạn về lại treo giường lên.

Đàn kia có TGD: câu chuyện về tình bạn giữa Bá Nha - một viên quan nước Tấn, và Từ Kỳ - một tiểu phu bên Hán Giang. Điều khiển hai người hội ngộ và trở thành tri âm tri kỉ xuất phát từ những cung đàn, điệu nhạc. Sau khi Từ Kỳ chết, Bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình. Có thuyết nói là Bá Nha treo đàn không gảy nữa.

Tác giả dùng 2 điển tích này để nói lên tình bạn tri âm tri kỉ giữa tác giả và Dương Khuê. Qua đó, làm nổi bật nỗi đau mất bạn từ những dấu hiệu bên ngoài của sự vật đã kết đọng vào trong sâu thẳm tâm khảm của nhà thơ.

2.3. Văn học hiện đại

(12) *Do sức ép của công luận ở Pháp và Đông Dương, ông Va-ren đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu.* Ông hứa thế, giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi, liệu quan toàn quyền Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao?

(*Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu* - Nguyễn Ái Quốc)

Đoạn trích trên chứa nhiều TGD: 1) Tồn tại sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương lên ông Va-ren (*do sức ép của công luận ở Pháp và Đông Dương*); 2) Sức ép này có liên quan đến vụ Phan Bội Châu (*hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu*); 3) Va-ren đã hứa về việc của Phan Bội Châu (*ông Va-ren đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu*); 4) Người viết mỉa mai về lời hứa này, chưa chắc đã được thực hiện, mà nếu được thực hiện cũng không như dự luận mong muốn (*nửa chính thức, liệu quan toàn quyền Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao?*); 5) Tồn tại sự thất hứa: các vị toàn quyền Đông Dương không biết giữ lời hứa (*giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi*

chẳng nữa). Từ những TGD này suy ra HY của tác giả: vạch trần bộ mặt bịp bợm xảo trá của tên toàn quyền mới, họ thực chất hẳn cũng không khác gì những tên trước.

(13) Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:

- Hồng! mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không? ...

- Sao lại không vào? Mẹ mày phát tài lắm, có như trước đâu! ...

- Mày đại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tiêu. Vào mà bắt mày mày vớ và sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

(*Những ngày thơ ấu* - Nguyễn Hồng)

Trên đây là những lời của bà cô trong đoạn thoại với cậu bé Hồng. *Phát tài* có TGD là sự giàu có hơn trước. Ngoài ra, có một TGD: từ trước bà cô không ung gì mẹ Hồng. Vì thế, "*mẹ mày phát tài lắm*" không mang nội dung thông báo mà cô HY cười cợt, mỉa mai việc bà mẹ tha phương cầu thực kiếm ăn. *Vào thăm em bé chứ* có TGD: mẹ Hồng đã sinh thêm em bé. Hồng là đứa trẻ mồ côi bố. Vậy, người mẹ có thêm em bé tức là mẹ Hồng đã có người đàn ông khác và sinh con. NC cho biết mẹ Hồng chưa đoạn tang chồng mà đã có con với người khác. Điều này không được chấp nhận trong xã hội, nhất là trong thời kì chịu ảnh hưởng nặng nề của lễ giáo phong kiến. Từ đó, bà cô có HY mỉa mai lỗi lầm của bà mẹ. Tất cả những điều trên bộc lộ sự thật về lời xúi giục Hồng vào thăm mẹ của bà cô. Nó không có điều kiện của lời khuyên chân thành xuất phát từ tấm lòng, tình thương hay sự quan tâm gì cả, mà nó là những lời xúi xỏ có tính xoáy sâu vào nỗi đau của đứa cháu mồ côi.

(14) Một trong những tác phẩm được dạy trong chương trình ngữ văn 11 là *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, với đoạn trích được người biên soạn đặt tiêu đề: *Hạnh phúc một tang gia*. Tiêu đề này có sự bất thường. Có một TGD là lễ thường: khi nói đến tang gia vốn nói đến sự đau thương, mất mát, chuyện buồn. Chúng ta chỉ nói đến hạnh phúc khi có những chuyện vui mừng. Vậy, hẳn tiêu đề có HY sâu sa. Đoạn trích là đoạn miêu tả sự thoải mái của những con người trong gia đình cụ cố Hồng trước cái chết của cụ tổ. Qua đó, HY của tiêu đề ấy là sự mỉa mai xã hội Âu hoá kịch cớm đã làm đảo lộn mọi giá trị đạo đức, văn hoá, lối sống.

(15) Trong tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao, chi tiết kết thúc tác phẩm có hàm chứa ẩn ý. Nghe tin Chí Phèo chết, nhớ lại những lúc sống chung với hắn, thị Nở *nhìn nhanh xuống bụng và đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua...* Hình ảnh cái lò gạch bỏ hoang có TGD là nơi Chí Phèo bị bỏ rơi khi sinh ra. Vậy, HY của tác giả: biết đâu chẳng có một "Chí Phèo con" bước ra từ "cái lò gạch cũ" vào đời và để "nổi nghiệp bố". HY tố cáo sâu sa của tác phẩm: hiện tượng Chí Phèo chưa thể hết khi mà xã hội tàn bạo vẫn không cho con người được sống hiền lành, từ thiện, thì sẽ còn những người dân lành bị đẩy vào con đường lưu manh.

(16) - *Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho...*

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liềm mưng cạy lại:

- *Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.*

Cai lệ tú vào mặt chị một cái bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu

Chị Dậu nghiêng hai hàm răng

- Mày trời ngay chống bà đi, bà cho mày xem.

(*Tắt đèn* - Ngô Tất Tố)

Lời nói của chị Dậu trong đoạn thoại với tên cai lệ có sự biến đổi về ngôi giao tiếp. Đầu tiên chị xưng *cháu* và gọi cai lệ bằng *ông* có TGD vị thế thấp. Chị coi cai lệ là bề trên, và mình chỉ là kẻ dân đen, yếu thế. Khi này, cai lệ đang nắm trong tay quyền sinh quyền sát đối với chồng chị. Cách xưng hô như vậy có HY tác động vào tâm lí để van xin, tìm kiếm sự ban ơn cho chồng. Nhưng trước hành động của tên cai lệ, chị đã nâng vị thế mình lên ngang hàng với hắn qua cặp từ *tôi/ ông*. Sau đó, đến đỉnh điểm, chị Dậu đã xưng *bà* gọi *mày*. Khi này, chị Dậu đã trở thành bề trên của cai lệ. Sự thay đổi trong cách xưng hô của chị Dậu trong hội thoại với cai lệ đã tạo ra HY là sự phản kháng mãnh liệt của người nông dân khi họ bị kẻ cầm quyền áp bức. Đây cũng là HY mà nhan đề đoạn trích do người soạn sách đặt ra đã thấu tóm được nội dung chính của đoạn: *tức nước vỡ bờ*.

(17) *Anh thật là... Thôi được, hứa với anh, tôi không bỏ chạy đâu. Chỉ tuần sau là quy trình sản xuất mới sẽ được triển khai. Ông Đồng Kisốt! Không thôn tôi, tôi lại giống kỳ mã Xancho, rất yêu và*

không thể thiếu được Đông Kisol. Nay, nhưng dứt khoát các cốt xay gió nó sẽ làm cho chúng ta ăn no đôn như từ đây.

(Tôi và chúng ta - Lưu Quang Vũ)

Đây là lời của nhân vật Lê Sơn (kĩ sư) nói với giám đốc Hoàng Việt. Câu nói của Lê Sơn có TGD: đã có sự việc xảy ra làm cho hai nhân vật này lo lắng. TGD: *Đông Kisol* là ông chủ của kì mả *Xam chó*. Giữa họ có mối quan hệ thân thiết gần gũi nhau như những người bạn. Họ nằm trong tác phẩm *Đồn Kihôtê* của nhà văn Xéc van tét. Trong tác phẩm này, *Đông Kisol* đã bị no đôn ở trận đánh nhau với cối xay gió. Vậy, ở đây, trong lời Lê Sơn thì anh ta và Hoàng Việt đang gặp *cối xay gió* của mình tức là gặp phe đối lập nào đó. NC cho biết câu chuyện phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt để thay đổi phương thức tổ chức, là lối hoạt động sản xuất ở xí nghiệp Thăng Lợi. Nơi đây đang xảy ra xung đột giữa một bên có tư tưởng bảo thủ khư khư giữ lấy các nguyên tắc, quy chế đã lạc hậu (đại diện: Nguyễn Chính - phó giám đốc, Trương - quản đốc phân xưởng, Trần Khắc - đại diện ban thanh tra bộ) với một bên có tư tưởng đổi mới, tinh thần dám nghĩ dám làm, khát khao đổi mới vì lợi ích của mọi người (đại diện: Hoàng Việt - giám đốc, Thanh - kĩ sư trưởng phân xưởng 1, Lê Sơn - kĩ sư và đông đảo công nhân). NC ngay trước phát ngôn trên của Lê Sơn là cuộc xung đột trực tiếp khi hai bên thể hiện công khai quan điểm. Do vậy, HY của Lê Sơn là: cảnh báo đối với giám đốc Hoàng Việt: chắc chắn các lực lượng đối nghịch ở công ty sẽ tìm mọi cách loại trừ, ngăn chặn việc thực hiện kế hoạch mới và những người ủng hộ kế hoạch mới cũng sẽ bị trả giá. Tuy thế nhưng Lê Sơn sẽ luôn ở bên là trợ thủ cho Hoàng Việt trong cuộc chiến này.

Sang văn học hiện đại, ta thấy HYND được vận dụng nhiều bởi không còn bị ảnh hưởng khuôn mẫu như các tác phẩm thời trung đại. Sự tự do này khiến các tác giả có thể thoải mái trải lòng mình. Phong cách cá nhân của các tác giả qua đó được bộc lộ rõ nét. Để nắm bắt được HYND, chúng ta phải đặc biệt quan tâm tới những NC riêng biệt.

3. Kết luận

Việc vận dụng lí thuyết từ TGD đến HYND vào việc giải mã các tác phẩm văn chương (chủ yếu là các tác phẩm dạy ở trường phổ thông) đã

giúp chúng ta nhận ra mức độ, cách thức tạo HYND trong mỗi giai đoạn văn học ứng với những thể loại cụ thể. Nhờ đó, chúng ta có thể đề ra phương pháp tiếp nhận hàm ngôn một cách hiệu quả từ TGD. Đó là con đường đưa lại HY chính xác bởi quá trình suy ý chặt chẽ. Hơn nữa, với giáo viên, cách suy ý có cơ sở vững chắc là TGD sẽ tạo ra lời giảng giải cho học sinh đầy tính thuyết phục. Với học sinh, khả năng tư duy sẽ được rèn luyện và dần hình thành các kĩ năng để có được năng lực nắm bắt HY một cách chủ động. Việc truyền đạt hay lĩnh hội HY là vô cùng khó, nhất là HYND luôn đòi hỏi có sự vận dụng năng động của các yếu tố NC. Do vậy, giáo viên có thể điều chỉnh hệ thống câu hỏi gợi mở của mình dành cho học sinh bằng cách thêm vào những gợi ý trong việc xác định những TGD chủ chốt, cần thiết để tạo nên HYND. Đối với văn học dân gian, TGD chủ yếu là các tri thức bách khoa có tính thông dụng, gần gũi nên học sinh có thể tiếp thu một cách dễ dàng. Văn học trung đại, giáo viên cần chú ý nhấn mạnh đến yếu tố NC rộng (lịch sử, phong tục, tập quán,...), các điển cố, điển tích cho học sinh. Đến văn học hiện đại, việc dẫn dắt học sinh có phần khó khăn hơn vì có sự biến hoá với đầy đủ các dạng TGD, sự đa dạng của NC. Vì thế, giáo viên cần hướng dẫn học sinh tìm ra được chỗ quan trọng là những mắt xích trong chuỗi suy ý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (Chủ biên) - Bùi Minh Toán (1993), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Nxb Giáo dục, H.
2. Nguyễn Đức Dân (1987), *Lôgic - ngữ nghĩa - cú pháp*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H.
3. Nguyễn Đức Dân (1996), *Lôgic và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
4. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb Giáo dục, H.
5. George Yule (2000), *Dụng học* (Bản dịch của nhóm tác giả Hồng Nhâm, Trúc Thanh, Ái Nguyên; hiệu đính: Diệp Quang Ban), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.
6. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Giáo trình ngữ dụng học*, Nxb Đại học Quốc gia, H.
7. Hoàng Phê (2003), *Logic - ngôn ngữ học*, Nxb Đà Nẵng, ĐN.